

Bản án số: 114/ 2020 /HC-PT

Ngày: 02/7/ 2020

V/v “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính; quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; quyết định giải quyết khiếu nại*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến

Các thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm

Ông Lê Phước Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Tấn Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 87/2020/TLPT-HC ngày 06 tháng 01 năm 2020 về “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính; quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; quyết định giải quyết khiếu nại*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 52/2019/HC- ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1002/2020/QĐPT-HC ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phạm Thanh C.

Địa chỉ: 16 L, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C:

- Bà Lê Thị Bích V

Địa chỉ: thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đình B. Có mặt

Địa chỉ: thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

2. Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk - Ông Phạm Phú L

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn D – PCT có mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Phạm N. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thúy P. Vắng mặt.

Địa chỉ: 16 L, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Vợ chồng ông Phạm Thanh C là chủ sử dụng thửa đất số 369, tờ bản đồ số 38, diện tích 201,4m² (trong đó có 148,4m² đất ở và 53m² đất trồng cây lâu năm), đất tọa lạc tại: Tổ dân phố T 1, phường T, thị xã B, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 299111 ngày 07/5/2018.

Sau khi được UBND thị xã B cấp giấy phép xây dựng số 331/GPXD ngày 28/9/2018, gia đình ông C đã tiến hành xây dựng công trình. Sau khi công trình xây dựng xong, ngày 16/11/2018, Chủ tịch UBND thị xã B ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3271/QĐ-XPVPHC theo đó xử phạt hộ ông C với số tiền 15.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu ông C phải tháo dỡ công trình vi phạm. Ông C đã nộp số tiền 15.000.000 đồng vào ngân sách nhà nước.

Đến ngày 06/5/2019, Chủ tịch UBND thị xã B tiếp tục có quyết định số 1411/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả, buộc ông C tháo dỡ phần công trình xây dựng sai so với giấy phép xây dựng với diện tích 24 m², bao gồm 02 trụ bê tông 0,2m x 02m cao 6,5m; 02 dầm ngang dài 04m; tường hai bên xây gạch diện tích 36m²; một ô văng xây gạch diện tích 1,2m²; 03 bậc đá lát diện tích 1,5m²; móng đá học, trần thạch cao; mái lợp tôn, nền lát gạch men 24m². Toàn bộ phần diện tích này nằm trong hành lang đường H, mép ngoài cùng công trình cách tim đường 14,5m².

Sau đó, ông C làm đơn kiến nghị được giữ lại công trình, ngày 28/5/2019, UBND thị xã B ban hành công văn số 1037/UBND-QLĐĐ với nội dung không chấp nhận đơn kiến nghị của ông C. Không đồng ý với công văn trên, ông C đã khiếu nại, ngày 14/8/2019, Chủ tịch UBND thị xã B đã ban hành quyết định số 2702/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung: Không chấp nhận đơn khiếu nại của ông C, giữ nguyên quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả.

Việc Chủ tịch UBND thị xã B ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính; quyết định cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả; quyết định giải quyết khiếu nại là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông C nên ông C đã khởi kiện, đề nghị Tòa án tuyên hủy các quyết định trên với lý do: Phần công trình

xây dựng nói trên được xây dựng trong phần đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà gia đình ông C được cấp; mặc dù đã có quy hoạch là đất hành lang an toàn giao thông đường bộ nhưng UBND thị xã B chưa có quyết định thu hồi và bồi thường, khi nào nhà nước có chủ trương thu hồi gia đình ông C sẽ tự tháo dỡ; phần công trình bị cưỡng chế tháo dỡ chỉ là mái che, không ảnh hưởng trực tiếp đến hành lang an toàn giao thông; phần xây dựng nằm trên nền móng cũ; không chỉ có gia đình ông C mà các hộ dọc hai bên đường quốc lộ 14 đều có phần xây dựng lấn ra hành lang đường giao thông nhưng không bị buộc tháo dỡ; trong quá trình xây dựng nhà không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào đình chỉ xây dựng, khi công trình hoàn thành, Chủ tịch UBND thị xã B mới ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và buộc tháo dỡ là không phù hợp; việc tháo dỡ công trình trên sẽ ảnh hưởng đến kết cấu chung của cả căn nhà; gia đình ông C có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có chi phí để tháo dỡ, xây dựng lại.

- *Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người bị kiện là Chủ tịch UBND thị xã B trình bày:*

Ngày 11/9/2018, ông Phạm Thanh C làm đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình nhà ở trên thửa đất số 369, tờ bản đồ số 38, diện tích 201,4m², tọa lạc tại: Tổ dân phố T 1, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Diện tích đề nghị được cấp phép xây dựng theo bản vẽ: Chiều dài nhà: 20,8m; chiều rộng: 06 m; góc vạt mỗi cạnh: 04m; diện tích góc vạt $(4 \times 4) \times 0,5 = 08\text{m}^2$, mép ngoài cùng của công trình cách tim đường Quốc lộ 14: 18,5m.

Ngày 08/9/2018, UBND thị xã B đã cấp giấy phép xây dựng số 331/GPXD cho ông C với nội dung: Cấp công trình cấp IV; diện tích xây dựng tầng trệt 116m²; tổng diện tích sàn 165m²; chiều cao công trình 6,95m; một tầng có gác lửng; trục 1 song song và cách tim đường H 18,5m (chỉ giới xây dựng 37m); trục A song song và cách tim đường L 04m (chỉ giới xây dựng 08m).

Ngày 12/11/2018, UBND phường T phát hiện hộ ông C xây dựng sai so với giấy phép xây dựng và lập biên bản kiểm tra hiện trạng số 24/BB-UBND và biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC. Ngày 13/11/2018, UBND phường T mời hộ ông C lên làm việc, yêu cầu ngừng thi công và tháo dỡ phần công trình vi phạm nhưng ông C xin được cấp giấy phép tạm vì công trình được xây dựng trên phần đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND phường không đồng ý và gia hạn cho ông C đến ngày 22/12/2018 phải tự tháo dỡ công trình vi phạm, trả lại hiện trạng nhưng ông C không thực hiện.

Ngày 14/11/2018, UBND phường T lập tờ trình số 23/TTr-UBND đề nghị ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông C. Ngày 16/11/2018, Chủ tịch UBND thị xã B ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3271/QĐ-XPHC đối với ông Phạm Thanh C vì đã có hành vi xây dựng sai so với giấy phép xây dựng với số tiền 15.000.000, ông C đã nộp phạt. Đến ngày 13/12/2018, hộ ông C chưa tháo dỡ công trình vi phạm, UBND phường đã lập tờ trình đề nghị UBND thị xã B ban hành quyết định số 822/QĐ-KPHQ buộc ông C phải tháo dỡ phần công trình xây dựng sai so với giấy phép xây dựng trong thời hạn 10 ngày. Nếu quá thời hạn ông C không tự nguyện chấp hành sẽ bị cưỡng chế theo quy định của pháp luật. Ngày 06/5/2019, Chủ tịch UBND thị xã B đã ban

hành quyết định cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả số 1411/QĐ-CCXP đối với ông C.

Không đồng ý các quyết định trên, ông C đã khiếu nại, ngày 14/8/2019, Chủ tịch UBND thị xã B đã ban hành quyết định số 2702/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung: Không chấp nhận đơn khiếu nại của ông C, giữ nguyên quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả.

Việc Chủ tịch UBND thị xã B ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính; quyết định cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả; quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông C là đúng thực tế, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông C.

- *Quá trình tham gia giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày trình bày:* Bà Trần Thúy P (vợ của ông Phạm Thanh C), có cùng quan điểm với ông C.

Với nội dung trên,

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 52/2019/HC- ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính;

Căn cứ Điều 38; Điều 58, Điều 66; Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 15, Điều 77 Nghị định số 139/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở; Điều 4 Thông tư số 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018 của Bộ xây dựng quy định chi tiết một số điều của nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017; Điều 18, Điều 50 Luật khiếu nại 2011.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh C về việc yêu cầu hủy các quyết định số 3271/QĐ-XPVPHC ngày 16/11/2018 về xử phạt vi phạm hành chính; quyết định số 1411/QĐ-CCXP ngày 06/5/2019 về cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả và quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Chủ tịch UBND thị xã B về giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Phạm Thanh C.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 03/12/2019, người khởi kiện – ông Phạm Thanh C kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm xét xử và quyết định không đúng quy định của pháp luật vì: Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 12/11/2018 đã vi phạm về hình thức, không đầy đủ các nội dung theo khoản 2 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính; Chủ tịch UBND thị xã vi phạm về lập

hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo khoản 2 Điều 57 Luật xử lý vi phạm hành chính; nội dung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính không đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính; Chủ tịch UBND thị xã B không thực hiện đúng quy định về quyền giải trình của người vi phạm theo quy định tại Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính và đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, hủy các quyết định: Quyết định số 3271/QĐ-XPVPHC ngày 16/11/2018 về xử phạt vi phạm hành chính; quyết định số 1411/QĐ-CCXP ngày 06/5/2019 về cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả và quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Chủ tịch UBND thị xã B về giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Phạm Thanh C.

Tại phiên tòa: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên; Người bị kiện và Người bảo vệ quyền lợi cho Người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2019/HC-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Phạm Thanh C đề nghị hủy: Quyết định số 3271/QĐ-XPVPHC ngày 16/11/2018 về xử phạt vi phạm hành chính; quyết định số 1411/QĐ-CCXP ngày 06/5/2019 về cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả và quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Chủ tịch UBND thị xã B về giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Phạm Thanh C thì thấy:

Ngày 11/9/2018, ông Phạm Thanh C làm đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình nhà ở trên thửa đất số 369, tờ bản đồ số 38, diện tích 201,4m², tọa lạc tại: Tổ dân phố T 1, phường T, thị xã B. Ngày 28/9/2018, UBND thị xã B đã cấp giấy phép xây dựng số 331/GPXD cho ông C với nội dung: Công trình cấp IV, diện tích xây dựng tầng trệt 116m²; tổng diện tích sàn 165m²; chiều cao công trình 6,95m; một tầng có gác lửng; chỉ giới xây dựng: Trục 1 song song và cách tim đường H 18,5m (chỉ giới xây dựng 37m); trục A song song và cách tim đường L 04m (chỉ giới xây dựng 08m).

[1.1]. Ngày 12/11/2018, UBND phường T phát hiện hộ ông C xây dựng sai so với giấy phép xây dựng nên đã lập Biên bản vi phạm hành chính về trật tự xây dựng số 01/BB-VPHC. Sau khi lập Biên bản vi phạm hành chính, do không thuộc thẩm quyền nên UBND phường T đã chuyển hồ sơ vi phạm cho UBND thị xã B. Ngày 16/11/2018, Chủ tịch UBND thị xã B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3271/QĐ-XPVC đối với ông C về hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ sai so với nội dung giấy phép xây dựng đã được cấp, diện tích xây dựng lớn hơn diện tích được cấp phép là 24m², toàn bộ diện

tích này nằm trong hành lang quy hoạch giao thông đường H; hình thức xử phạt chính là phạt tiền 15.000.000 đồng; biện pháp khắc phục hậu quả là buộc tháo dỡ phần công trình vi phạm trong thời hạn 10 ngày. Chủ tịch UBND thị xã B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3271/QĐ-XPHC đối với ông C là đúng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 15 Nghị định số 139/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ.

[1.2]. Sau khi nhận được Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nói trên, Ông C đã chấp hành hình thức xử phạt chính là nộp số tiền 15.000.000 đồng. Đối với biện pháp khắc phục hậu quả, quá thời hạn quy định nhưng ông C không thực hiện, nên ngày 06/5/2019, Chủ tịch UBND thị xã B đã ban hành Quyết định số 1411/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả đối với ông C cũng đúng quy định tại khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012; điểm d khoản 11 Điều 15 Nghị định số 139/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ; Điều 4 Thông tư số 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018 của Bộ xây dựng.

[1.3]. Ngày 30/6/2019, ông C khiếu nại; ngày 14/8/2019, Chủ tịch UBND thị xã B đã ban hành Quyết định số 2702/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của ông C là có căn cứ, phù hợp với các nội dung đã nhận định ở trên.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện cho Người khởi kiện cũng thừa nhận ông C đã có hành vi xây dựng sai so với giấy phép đã được cấp nhưng cho rằng trong quá trình lập biên bản và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính có vi phạm về trình tự, thủ tục, cụ thể: Biên bản vi phạm hành chính không ghi cụ thể nghề nghiệp của người vi phạm; hồ sơ xử lý vi phạm không được đánh số bút lục; quyết định xử phạt không ghi các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; không cho người vi phạm giải trình theo quy định tại Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính để yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận các nội dung kháng cáo của Người khởi kiện. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Các nội dung Người khởi kiện viện dẫn trên cũng đã được xem xét tại Bản án sơ thẩm vì các nội dung này không làm thay đổi hành vi xây dựng không đúng giấy phép xây dựng của ông C. Ông Phạm Thanh C kháng cáo yêu cầu được xem xét lại các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của ông Phạm Thanh C. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2019/HC-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Do bị bác đơn kháng cáo nên ông Phạm Thanh C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Bác đơn kháng cáo của ông Phạm Thanh C. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2019/HC-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng: Điều 38, Điều 58, Điều 66 và Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 15, Điều 77 Nghị định số 139/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở; Điều 4 Thông tư số 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018 của Bộ xây dựng quy định chi tiết một số điều của nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017; Điều 18, Điều 50 Luật khiếu nại 2011.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh C về việc yêu cầu hủy các quyết định số 3271/QĐ-XPVPHC ngày 16/11/2018 về xử phạt vi phạm hành chính; quyết định số 1411/QĐ-CCXP ngày 06/5/2019 về cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả và quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Chủ tịch UBND thị xã B về giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Phạm Thanh C.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Phạm Thanh C phải chịu 300.00 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0007419 ngày 10/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Án phí sơ thẩm được thực hiện theo quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2019/HC-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tiến